

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/DS-ST

Ngày: 08-9-2022

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Nguyễn Xuân Trường

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện H: Ông Phùng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 08/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-DS ngày 25/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QSST-DSST ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa:

**Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (có mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

**Bị đơn: Anh La Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc

Giang;

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

-Chị Trương Thị L, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

-Chị La Thị H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên thời điểm trước năm 2017 anh La Văn H có vay của anh số tiền là

190.000.000 đồng, anh Hoàn đã trả được 40.000.000 đồng, sau đó anh Hoàn lại vay thêm 2.000.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 152.000.000 đồng, hai bên có viết lại giấy vay tiền số tiền ngày 09 tháng 6 năm 2018 dương lịch anh La Văn H còn nợ của anh số tiền là 152.000.000 đồng, nhưng nay anh chỉ yêu cầu anh Hoàn trả cho anh số tiền gốc là 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Anh xác định nội dung chữ viết “*Hoàn, La Văn H*” tại phần người vay trong giấy vay tiền ngày 09/6/2018 dương lịch do anh Hoàn viết và ký, còn nội dung giấy vay tiền và phần chỗ người cho vay “*Tấn, Nguyễn Văn T*” là do anh viết và ký. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 06 tháng trả, không thỏa thuận lãi suất. Sau khi ký giấy vay tiền thì anh Hoàn có viết giấy trả tiền theo thỏa thuận, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng, nhưng từ đó cho đến nay anh Hoàn chưa trả cho tôi số tiền gốc nào như đã thỏa thuận. Anh đã đến nhà đòi nhiều lần nhưng anh Hoàn đều không trả. Khi vay anh Hoàn nói vay để kinh doanh sản xuất đồ mộc. Anh xác định đây là khoản nợ riêng của anh Hoàn, không liên quan đến nợ chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án không đưa chị La Thị H là vợ anh Hoàn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời anh xác định đây là tài sản riêng của anh và đề nghị Tòa án không đưa chị Trương Thị L, sinh năm 1977 là vợ anh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Nay anh khởi kiện yêu cầu cá nhân anh La Văn H phải trả cho anh số tiền gốc 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa anh Tấn có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

* Bị đơn anh La Văn H vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập lên làm việc hợp lệ, tuy nhiên anh không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về việc anh Tấn khởi kiện.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trương Thị L (vợ anh Tấn) trình bày: Việc anh Tấn cho anh Hoàn vay tiền như thế nào chị không rõ và chị xác định đây là tài sản riêng của anh Tấn, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời chị xin được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa chị Luyến xin vắng mặt.

Chị La Thị H (vợ anh Hoàn) trình bày: Năm 2014 chồng chị là anh La Văn H có làm ăn kinh doanh đồ gỗ, đến năm 2015 thì vỡ nợ. Việc anh Hoàn có của anh Tấn số tiền cụ thể như thế nào thì chị không rõ, đến khoảng năm 2015, 2016 khi anh Tấn đến nhà đòi tiền thì chị mới biết và theo chị được biết anh Hoàn vay ban đầu là 40.000.000 đồng và cộng lãi thành 152.000.000 đồng theo giấy vay đề ngày 26/4/2018, xác định chữ ký “*La Văn H*” trong giấy vay là của anh Hoàn. Chị xác định anh Hoàn đã trả được số tiền 40.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ gì chứng minh cho việc đã trả số tiền trên. Chị xác định đây là khoản nợ

riêng của anh Hoàn vì khi làm ăn kinh doanh đồ gỗ chị không đồng ý, và đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời chị xin được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa chị Hằng xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 - Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

1. Buộc anh La Văn H phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền gốc là 150.000.000 đồng gốc, không yêu cầu trả lãi.

2. Về án phí: Do đơn của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận nên anh La Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên anh Hoàn thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu anh La Văn H trả số tiền vay 150.000.000 đồng gốc, không yêu cầu trả lãi, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện H thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh La Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hoàn là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu anh La Văn H trả số tiền vay 150.000.000 đồng gốc, không yêu cầu trả lãi thì thấy: Theo lời trình bày của anh và các tài liệu có trong hồ sơ xác định ngày 09/6/2018 dương lịch anh La Văn H có vay của anh số tiền 152.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Mục đích vay để kinh doanh đồ gỗ. Sau khi đến hạn trả 09/12/2018 thì anh Tấn đã đòi nhiều lần nhưng anh La Văn H vẫn không trả được. Việc anh Tấn chỉ yêu cầu anh Hoàn trả số tiền

150.000.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện của anh Tấn, cần chấp nhận. Việc chị Hằng vợ anh Hoàn xác định đã trả được số tiền 40.000.000 đồng, nhưng không có giấy tờ chứng minh cho việc đã trả. Như vậy, kể từ ngày vay đến nay anh La Văn H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chưa trả được tiền gốc nào cho anh Nguyễn Văn T. Nay anh Tấn có đơn khởi kiện là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền thì thấy: Anh Tấn xác định là nợ riêng của cá nhân anh Hoàn và xác định là tài sản riêng của anh. Anh Tấn không yêu cầu Tòa án đưa chị Trương Thị L, sinh năm 1977 là vợ anh và chị La Thị H vợ anh Hoàn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngoài ra, chị Luyến xác định là tài sản riêng của anh Tấn, chị Hằng cũng xác định là nợ riêng của anh Hoàn và đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do vậy, xác định đây là nợ riêng của anh Hoàn và tài sản riêng của anh Tấn. Buộc anh La Văn H phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Nguyễn Văn T là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Do anh Nguyễn Văn T không yêu cầu anh La Văn H trả số tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận nên anh La Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên anh La Văn H thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 1 - Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Buộc anh La Văn H phải trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền gốc là 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

2. Về án phí: Anh La Văn H thuộc đối tượng hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai số 0008151 ngày 28/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

